

Bản án số: 42/2018/HS-ST
Ngày: 06-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Kha

Bà Trần Thị Hồng Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2018/HSST ngày 17/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HS ngày 25/10/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ Văn T - Sinh năm 1996 tại xã Y, huyện Y, tỉnh N; nơi cư trú: Xóm 1, xã Y, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Công B, sinh năm 1968 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1975 đều trú tại xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (Bố mẹ đã ly hôn); chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 08/8/2018, đến ngày 11/8/2018 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Ý Yên.

- Người bị hại: Anh Trần Gia Q - Sinh năm: 1996

Địa chỉ: Xóm 4, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

- Người tham gia tố tụng khác:

Những người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn L - Sinh năm: 2000

Địa chỉ: Xóm Giáo, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Anh Nguyễn Tiến D - Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Đội 12, xã N, huyện Ng, tỉnh N.

Anh Điền Phúc Th - Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn Thắng Hạ, xã N, huyện Ng, tỉnh N.

Anh Nguyễn Văn B - Sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm 3, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Anh Đồng Xuân H - Sinh năm 1981

Địa chỉ: Xóm 12, xã Ng, huyện Y, tỉnh N.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn T không có nghề nghiệp ổn định. Do không có tiền, T biết anh Trần Gia Q có chiếc xe mô tô Exciter BKS 18D1 - 47853 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Khoảng 6h30 ngày 09/6/2018, T đang đánh điện tử nhà ông Tiến tại xóm 1, xã Yên Đồng, T nhắn tin qua tài khoản Facebook cho anh Q hỏi mượn xe mô tô để sử dụng, anh Q đồng ý. Khoảng 7h10 phút cùng ngày, anh Q mang xe mô tô BKS 18D1 - 47853 đến cửa quán nhà ông Tiến cho T mượn. Sau khi mượn được xe, T gọi bạn là anh Nguyễn Văn L cũng đang ở quán nhà ông Tiến và nói với L “Mày mượn thêm một xe máy rồi đi với tao”. Sau đó, T điều khiển xe mô tô BKS 18D1 - 47853 chở L quay về xã Yên Trị để L mượn xe rồi cùng T đi xuống xã Nghĩa Châu, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Đến nơi, L ngồi ngoài đợi còn T vào gặp người quen là anh Nguyễn Tiến D nhờ D dẫn đi cầm cố xe mô tô. Anh D dẫn T đến gặp anh Điền Phúc Th. Tại đây, anh D nói với anh Th “Em có thằng em muốn mượn tiền và để lại chiếc xe máy lại làm tin, anh xem tạo điều kiện cho nó”, anh Th xem xe rồi hỏi T “Xe này của ai”, T trả lời “Xe này của em, em quên không mang giấy tờ”, anh Th đồng ý và đưa cho T số tiền 10.000.000 đ và giữ lại chiếc xe mô tô để làm tin. Sau đó T đi ra ngoài đường nhờ L chở về xã Yên Thắng, huyện Ý Yên và tiếp tục đánh điện tử. Khoảng 13h30 phút cùng ngày, T nhắn tin qua Facebook cho anh Q nói xe bị Công an huyện Nghĩa Hưng bắt, do không có giấy tờ, không đội mũ, không có gương, anh Q nói “Xoay tiền rồi lấy xe ra cho tao”. T nói với anh Q sáng thứ 2 tức ngày 11/6/2018 sẽ trả xe anh Q. Khoảng 15h ngày 11/6/2018, T nhắn tin qua Facebook cho anh Q nói “Đã xoay đủ tiền để lấy xe”, anh Q nghe thấy vậy đã cầm giấy đăng ký chiếc xe mô tô đưa cho T để T mang đi nộp phạt lấy xe về. Sau khi T cầm toàn bộ giấy tờ, đăng ký xe của anh Q, T nhờ bạn là anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1995, trú tại xóm 3, xã Yên Đồng, huyện Ý Yên đang ngồi chơi trong quán điện tử nhà ông Tiến chở T xuống xã Nghĩa Châu, huyện Nghĩa Hưng. Trên đường đi anh B có hỏi T “Đi sang đây để làm gì”, T trả lời “Sang nhà người quen có tý việc”. Anh B chở T đến gặp anh D dẫn sang nhà anh Th. Tại đây, T bảo anh B đứng ngoài đợi, còn T cùng với anh D vào nhà anh Th, T đưa giấy tờ đăng ký xe mô tô BKS 18D1 - 47853 mang tên anh Trần Gia Q và thẻ căn cước công dân của T cho anh Th để vay thêm số tiền 15.000.000 đ. Sau khi cầm tiền thì T đi ra ngoài gặp anh B, T nhờ anh B chở về quán điện tử nhà ông Tiến đánh điện tử, chi tiêu cá nhân hết. Do không thấy T mang xe mô tô về trả, anh Q gọi điện cho T thì T nói dối và nhắn tin qua Facebook cho anh Q “Số tiền phạt hết 7.800.000 đ, do không đủ tiền nộp phạt nên chưa lấy

được xe về”. Đến sáng ngày 12/6/2018, T tiếp tục nhờ anh B chở xuống gặp anh Th để vay thêm số tiền 5.000.000 đ, nhưng anh Th không còn tiền. T nhờ anh Th dẫn sang quán cầm đồ Ngọc H do anh Đồng Xuân H, sinh năm 1981, trú tại xóm 12, xã Ng, huyện N làm chủ để cầm đồ chiếc xe mô tô BKS 18D1- 47853. Tại đây, anh H kiểm tra xe, giấy tờ đăng ký đầy đủ cùng với thẻ căn cước của T nên anh H đồng ý cầm cố chiếc xe mô tô trên với số tiền 30.000.000 đ. T lấy tiền và trả cho anh Th số tiền gốc và lãi là 26.150.000 đ, số tiền còn lại T tiếp tục chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 18/6/2018 anh Q có đơn trình báo cơ quan CSĐT Công an huyện Ý Yên. Ngày 09/7/2018 Hội đồng định giá tài sản huyện Ý Yên đã tiến hành định giá và kết luận 01 xe mô tô hiệu Exciter BKS 18D1 - 47853 mà T chiếm đoạt của anh Q trị giá 36.720.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô Exciter BKS 18D1- 47853 mà T chiếm đoạt của anh Q, anh Q đã tự nguyện bỏ số tiền 30.000.000 đồng để chuộc lại, anh Đồng Ngọc H đã bàn giao xe mô tô Exciter BKS 18D1 - 47853 và giấy đăng ký xe cho cơ quan CSĐT Công an huyện Ý Yên giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Q yêu cầu T pH có trách nhiệm bồi thường cho anh số tiền 30.000.000 đ mà anh đã bỏ ra để chuộc lại chiếc xe mô tô tại cửa hàng cầm đồ Ngọc H. Đồng thời anh Q có đơn xin lại tài sản, cơ quan CSĐT Công an huyện Ý Yên quyết định trả lại anh Q Exciter BKS 18D1- 47853, 01 đăng ký xe mang tên anh Trần Gia Q là chủ sở hữu.

Quá trình điều tra anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Tiến D, anh Điền Phúc Th, anh Đồng Xuân H không biết chiếc xe mô tô trên do T phạm tội mà có. Do vậy, anh L, anh B, anh D, anh Th, anh H không đồng phạm với T về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và không phạm tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Căn cứ hành vi vi phạm, Công an huyện Ý Yên quyết định xử phạt hành chính đối với anh Đồng Xuân H, anh Điền Phúc Th về hành vi vi phạm các quy định về quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự là có căn cứ.

Bản cáo trạng số 43/CT-VKS-YY ngày 26/9/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đã truy tố: Đỗ Văn T về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại có lời khai xác nhận đã được cơ quan CSĐT Công an huyện Ý Yên trả lại chiếc xe mô tô Exciter BKS 18D1- 47853, 01 đăng ký xe mang tên Trần Gia Q. Anh Q đã tự nguyện bỏ số tiền gốc 30.000.000 đồng và số tiền lãi 3.600.000 đồng để chuộc xe mô tô Exciter BKS 18D1- 47853. Vì vậy, anh Q đề nghị bị cáo T phải bồi thường cho anh tổng số tiền 33.600.000 đồng. Ngoài ra anh

không có yêu cầu gì khác. Bị cáo Đỗ Văn T chấp nhận bồi thường cho anh Q tổng số tiền là 33.600.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng số 43/CT-VKS-YY ngày 26/9/2018 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng Khoản 1 Điều 174; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Đỗ Văn T từ 24 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2018.

Về bồi thường dân sự: Tại phiên tòa anh Q khẳng định, anh là người đã bỏ ra tổng số tiền là 33.600.000 đồng để chuộc lại xe (trong đó 30.000.000 đồng là tiền gốc, 3.600.000 đồng là tiền lãi) nên anh yêu cầu bị cáo T phải trả anh số tiền 33.600.000 đồng. Bị cáo T đồng ý trả cho anh Q số tiền 33.600.000 đồng. Trên cơ sở tự nguyện của bị cáo T, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T phải trả anh Q số tiền 33.600.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Ý Yên đã xử lý xong nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo, người bị hại không còn ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ý Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa hôm nay; lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu giữ trong quá trình điều tra thấy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 09/6/2018 tại quán điện tử nhà ông Tiên ở xóm 1, xã Y, huyện Y, tỉnh N. Bằng thủ đoạn gian dối, Đỗ Văn T đã giả vờ mượn chiếc xe mô tô Exciter BKS 18D1 - 47853 trị giá 36.720.000 đồng của anh Trần Gia Q để đem đi cầm cố lấy tiền tiêu sài.

Bị cáo Đỗ Văn T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây nên tình hình mất trật tự trị an xã hội nói chung, ảnh hưởng

xấu đến phong trào bảo vệ an ninh ở địa phương, gây sự bất bình trong nhân dân. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 174 BLHS đúng như Cáo trạng của VKS đã truy tố.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy:

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Đỗ Văn T không có nghề nghiệp ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại là anh Trần Gia Q khẳng định, anh là người đã bỏ ra tổng số tiền là 33.600.000 đồng để chuộc lại xe (trong đó 30.000.000 đồng là tiền gốc, 3.600.000 đồng là tiền lãi) nên anh Q yêu cầu bị cáo Đỗ Văn T phải trả anh số tiền 33.600.000 đồng. Bị cáo Đỗ Văn T đồng ý trả cho anh Q số tiền 33.600.000 đồng. Trên cơ sở tự nguyện của bị cáo T, Hội đồng xét xử thấy buộc bị cáo Đỗ Văn T phải trả lại anh Trần Gia Q số tiền 33.600.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Ý Yên đã xử lý xong, bị cáo Đỗ Văn T và anh Q không có ý kiến gì khác. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Xét hành vi của những người có liên quan: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Tiến D, anh Điền Phúc Th, anh Đồng Xuân H không biết chiếc xe mô tô trên do T phạm tội mà có. Do vậy, anh L, anh B, anh D, anh Th, anh H không đồng phạm với T về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và không phạm tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ. Vì vậy, HĐXX không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí hình sự: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt Đỗ Văn T 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 08/8/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải trả cho anh Trần Gia Q số tiền 33.600.000 (Ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh Trần Gia Q có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo Đỗ Văn T phải chịu lãi xuất đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự: Bị cáo Đỗ Văn T phải nộp 1.680.000 (Một triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh, huyện: 02 bản;
- Công an huyện: 01 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Phòng lưu trữ CA tỉnh Nam Định: 01 bản;
- UBND xã Yên Đồng: 01 bản;
- Bị cáo: 01 bản;
- Người bị hại: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu: VP.

(Đã Ký)

Vũ Văn Anh